

Bản án số: 476/2026/DS-PT
Ngày: 21 - 5 - 2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải

Các Thẩm phán: Bà Võ Bích Hải

Ông Phạm Tiến Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thảo Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Trương Minh Diên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/5/2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 185/2026/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số /2026/QĐ-PT ngày tháng năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Phạm Ngọc N**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã P, thành phố Cần Thơ). (vắng mặt)

- **Bị đơn:**

1. Ông **Trần Văn P**, sinh năm 1969; (có mặt)

2. Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1964. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã P, thành phố Cần Thơ).

- **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Trần Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Ngọc N trình bày: Bà có cho vợ chồng ông Trần Văn P và bà Huỳnh Thị T vay các khoản nợ như sau:

Khoản 1: Ngày 17/4/2022 âm lịch cho vợ chồng ông Trần Văn P và bà Huỳnh Thị T vay số tiền 80.000.000 đồng với lãi suất theo quy định pháp luật. Từ khi vay thì vợ chồng bị đơn đóng lãi đầy đủ nhưng đến ngày 24/12/2023 âm lịch (ngày 03/02/2024 dương lịch) thì không đóng lãi.

Khoản 2: Ngày 24/12/2023 âm lịch (ngày 03/02/2024 dương lịch) cho vợ chồng ông Trần Văn P và bà Huỳnh Thị T vay số tiền 425.800.000 đồng với lãi suất theo quy định pháp luật.

Từ khi vay đến nay thì vợ chồng bị đơn không đóng lãi. Mặc dù tôi nhiều lần yêu cầu bị đơn trả lãi và gốc nhưng bị đơn cố tình không trả. Nay yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Văn P và bà Huỳnh Thị T thanh toán tổng số tiền 556.177.000 đồng, trong đó vốn gốc của 02 khoản vay là 505.800.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ đóng lãi của 02 khoản vay đến ngày nộp đơn khởi kiện ngày 06/8/2024 cụ thể: $505.800.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 06 \text{ tháng} = 50.377.000 \text{ đồng}$. Đồng thời tiếp tục yêu cầu tính lãi từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử theo lãi suất quy định pháp luật.

Bị đơn ông Trần Văn P trình bày:

Trước đây ông có làm ăn với ông Huỳnh Thanh H chuyên sang nền bán nền. Vào ngày 17/04/2022 âm lịch do ông H1 cần tiền làm ăn nên lúc này ông và vợ là bà Huỳnh Thị T mới đứng ra hỏi vay của bà Phạm Ngọc N số tiền 120.000.000 đồng, bà N cũng đồng ý cho vay với lãi suất là 5%/tháng, bà N chuyển khoản cho con ông H tên là Huỳnh Thị Ngọc M số tiền 50.000.000 đồng là số tiền ông cho ông H mượn để làm ăn, số tiền còn lại 70.000.000 đồng bà N đưa cho vợ chồng ông tiền mặt, lúc này bà N có làm biên nhận và vợ chồng ông có ký tên, trong biên nhận thể hiện nội dung có vay của bà N 80.000.000 đồng nhưng nếu không trả thì bà N có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi vốn 70.000.000 đồng.

Ông thừa nhận giấy vay nợ ngày 17/04/2022 âm lịch do bà N cung cấp cho Toà án là đúng chữ ký chữ viết của ông và dấu lấn tay của vợ ông và con ông T1 và G đều có lấn tay ký tên, biên nhận này ông thống nhất không phản đối.

Sau khi vay ông đóng lãi cho bà N trực tiếp 02 lần số tiền là 15.000.000 đồng, ngoài ra ông H đóng một lần số tiền 7.500.000 đồng. Sau đó do kẹt tiền nên ông không tiếp tục đóng lãi thì bà N điện thoại kêu tôi vay thêm 40.000.000 đồng để bù vô tiền lãi mà ông nợ bà N ông cũng đồng ý và có viết giấy tay cho bà N. Như vậy trước sau ông nợ bà N số tiền 160.000.000 đồng, số tiền này ông đồng ý thanh toán cho bà N. Số tiền lãi ông đã đóng cho bà N ông đồng ý tiếp tục trả cho

bà N không yêu cầu tính toán lại. Ngoài ra, ông yêu cầu không tính lãi đối với số tiền trên. Riêng số tiền bà N khởi kiện cho rằng vợ chồng tôi nợ bà N vào ngày 24/12/2023 âm lịch 425.800.000 đồng là ông không thống nhất, vợ chồng ông không có nợ bà N số tiền này, biên nhận phía bà N cung cấp cho Tòa án tôi đã được xem qua và tôi xác định không phải chữ viết, chữ ký của ông. Tôi đã nhận được kết luận giám định chữ ký và ông không đồng ý kết luận giám định, yêu cầu Tòa án trung cầu giám định chữ ký chữ viết trong biên nhận bà N cung cấp.

Bà Huỳnh Thị T trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của chồng bà là ông Trần Văn P Bà thừa nhận giấy vay nợ ngày 17/04/2022 âm lịch do bà N cung cấp cho Tòa án là đúng chữ ký chữ viết của chồng bà và dấu lấn tay của bà và các con bà là T1 và G đều có lấn tay ký tên, biên nhận này bà thống nhất không phản đối. Sau khi vay vợ chồng bà đóng lãi cho bà N trực tiếp 02 lần số tiền là 15.000.000 đồng, ngoài ra ông H đóng một lần số tiền 7.500.000 đồng. Sau đó do kẹt tiền nên không tiếp tục đóng lãi thì bà N điện thoại kêu vay thêm 40.000.000 đồng để bù vô tiền lãi mà bà nợ bà N bà cũng đồng ý. Như vậy trước sau vợ chồng bà nợ bà N số tiền 160.000.000 đồng, số tiền này vợ chồng tôi đồng ý thanh toán cho bà N. Số tiền lãi tôi đã đóng cho bà N tôi đồng ý tiếp tục trả cho bà N không yêu cầu tính toán lại. Ngoài ra bà yêu cầu không tính lãi đối với số tiền trên. Riêng số tiền bà N khởi kiện cho rằng vợ chồng bà nợ bà N vào ngày 24/12/2023 âm lịch 425.800.000 đồng là bà không thống nhất, bà không có nợ bà N số tiền này, biên nhận phía bà N cung cấp cho Tòa án bà đã được xem qua và bà xác định không phải chữ viết, chữ ký của chồng bà. Bà hoàn toàn không có ký tên hay lấn tay vào tờ giấy mà bà N cung cấp, nếu bà N khởi kiện món vay này cho rằng bà có liên quan thì yêu cầu bà N chứng minh cho Tòa án. Nay do bận công việc gia đình nên bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết.

Do không hòa giải thương lượng được nên vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại Bản án số 83/2025/DSST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Ngọc N.

Buộc bị đơn ông Trần Văn P, bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Phạm Ngọc N số tiền còn nợ vốn 505.800.000 đồng và lãi 161.768.328 đồng, tổng vốn và lãi là 667.568.328 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chi phí giám định: 3.090.000 đồng bị đơn ông Trần Văn P phải chịu. Sau khi ông P nộp thì hoàn trả cho nguyên đơn bà Phạm Ngọc N số tiền này do bà N đã đóng tạm ứng trước.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Trần Văn P, bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ liên đới nộp án phí số tiền 30.702.733 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Phạm Ngọc N tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.116.000 đồng theo biên lai thu số 0008047 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Cần Thơ)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ tuyên xử. Bị đơn ông Trần Văn P đã kháng cáo bản án trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm; nguyên đơn bà Phạm Ngọc N vắng mặt.

Bị đơn ông Trần Văn P và bà Huỳnh Thị T trình bày: Ông P thừa nhận có vay của bà N 01 lần là 80.000.000 đồng và đồng ý trả khoản tiền này cùng tiền lãi như bản án sơ thẩm đã tuyên. Riêng khoản tiền 425.800.000 đồng ông P cho rằng ông không vay khoản tiền trên. Biên nhận khoản vay này không phải chữ viết và chữ ký tên của ông. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Bà Huỳnh Thị T thống nhất theo yêu cầu của ông P.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nhận thấy, nguyên đơn bà N khởi kiện yêu cầu bị đơn ông P, bà T trả số tiền vay còn nợ của 02 khoản vay vào ngày 17/4/2022 âm lịch số tiền 80.000.000 đồng và vào ngày 24/12/2023 âm lịch số tiền 425.800.000 đồng, ngoài ra bà N còn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất do luật quy định. Còn bị đơn ông P, bà T chỉ thừa nhận nợ vay ngày 17/4/2022 âm lịch số tiền 80.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà N số tiền này, nên bà N không cần phải chứng minh đối với số nợ 80.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS (Tại giấy nhận tiền ngày 17/4/2022 âm lịch bên cho vay Phạm Ngọc N, bên vay tiền bà Trần Thị T1, sinh năm: 1992, ông Trần Văn P, bà Huỳnh Thị T, bà Trần Thị Cẩm G, sinh năm: 1992. Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2024 của Tòa án đối với ông Trần Văn P1 cho rằng: Bà T1, bà G là con ông P1, bà T là vợ của ông P1. Số tiền 80.000.000 đồng vay của bà N để vợ chồng ông P1 làm ăn không liên quan đến bà T1, bà G, vợ chồng ông P1 đồng ý trả số tiền này cho bà N. Nên không cần thiết đưa bà T1, bà G vào tham gia tố tụng.

Đối với số tiền 425.800.000 đồng vay ngày 24/12/2023 âm lịch thì ông P1, bà T không thừa nhận. Bà N có đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông P1 tại biên nhận ngày 24/12/2023 âm lịch.

Tại Kết luận giám định số 36/KLTL-KTHS ngày 04/4/2025 của Phòng K Công an tỉnh S kết luận như sau:

- Chữ ký mang tên Trần Văn P dưới dòng “Ngày 24-12-2023 Âm Lịch” trên Biên nhận, ngày 24/12/2023 cần giám định (Ký hiệu A) so với chữ ký của Trần Văn P trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M1 đến M8) do cùng một người ký ra.

- Chữ viết họ tên “Trần Văn P” dưới dòng “Ngày 24-12-2023 Âm Lịch” trên Biên nhận, ngày 24/12/2023 cần giám định (Ký hiệu A) so với chữ viết của Trần Văn P trên các mẫu so sánh (Ký hiệu: M1 đến M5; M7, M8) do cùng một người viết ra.

Căn cứ Kết luận giám định trên đủ cơ sở chứng minh ông Trần Văn P có ký nhận số nợ 425.800.000 đồng của bà N. Mặc dù biên nhận ngày 24/12/2023 âm lịch không có chữ ký bà T và bà T cho rằng không biết số nợ này. Tuy nhiên, như ông P và bà T trình bày ông bà là vợ chồng, ông P chuyên làm nghề mua nển bán lại, còn bà T chỉ làm nội trợ gia đình, nên việc thu nhập hàng ngày để phục vụ cho gia đình đều phụ thuộc vào thu nhập của ông P. Do vậy, bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông P, bà T cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 425.800.000 đồng là phù hợp theo qui định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi: Cả hai biên nhận đều thể hiện nội dung vay có lãi. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 24/12/2023 âm lịch (ngày 03/02/2024 dương lịch) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 11/9/2025 theo mức lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Lãi suất được tính như sau: $505.800.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 19 \text{ tháng} = 161.768.328 \text{ đồng}$.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Nên kháng cáo của bị đơn ông P là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo hướng: Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn P, giữ nguyên bản án sơ thẩm như phân tích nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Xét mối quan hệ pháp luật thì đây là vụ kiện: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của ông P trong hạn luật định nên được xem xét.

Xét người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Căn cứ theo tờ giấy nhận tiền ngày 17/4/2022 âm lịch bên cho vay Phạm Ngọc N, bên vay tiền bà Trần Thị T1, sinh năm: 1992, ông Trần Văn P, bà Huỳnh Thị T, bà Trần Thị Cẩm G, sinh năm: 1992. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa thêm hai người có quyền và nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị T1 và chị Trần Thị Cẩm G vào tham gia vụ kiện là thiếu sót. Do ông P và bà T thừa nhận là ông bà nhận số tiền này, chị T1 và chị G chỉ ký tên vào trong tờ biên nhận chứ hai chị không nhận tiền. Vì vậy, không cần thiết phải hủy bản án trên vì đưa thiếu người tham gia tố tụng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Xét nội dung vụ kiện nhận thấy: nguyên đơn bà N khởi kiện yêu cầu bị đơn ông P, bà T trả số tiền vay còn nợ của 02 khoản vay vào ngày 17/4/2022 âm lịch số tiền 80.000.000 đồng và vào ngày 24/12/2023 âm lịch số tiền 425.800.000 đồng, ngoài ra bà N còn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất do luật quy định. Phía bị đơn ông P và bà T chỉ thừa nhận nợ vay ngày 17/4/2022 âm lịch số tiền 80.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà N số tiền này, nên bà N không cần phải chứng minh đối với số nợ 80.000.000 đồng. Riêng số nợ 425.800.000 đồng vay ngày 24/12/2023 âm lịch thì ông P, bà T đều phủ nhận.

Qua xem xét Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Đối với khoản tiền vay 80.000.000 đồng ngày 17/4/2022 âm lịch, khoản vay này hai vợ chồng bị đơn đều thừa nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc trả vốn và lãi là có căn cứ. Bị đơn không kháng cáo phần này nên phát sinh hiệu lực.

Xét khoản vay: 425.800.000 đồng. Căn cứ vào “*Tờ biên nhận*” tại bút lục 04 thể hiện nội dung tờ biên nhận ghi như sau:

“ Biên nhận

Tôi tên: Trần Văn P có vẫy của N số tiền 425.800.000

Bốn trăm hai mươi lăm triệu tám trăm

Ngày 24-12-2023 Âm lịch

Kí tên

Trần Văn P.”

Xét về hình thức tuy tờ biên nhận chưa ghi cụ thể chi tiết tên họ, địa chỉ của người vay và người cho vay địa cùng năm sinh người vay tiền, mục đích sử dụng tiền vay, thời hạn giao trả và cam kết về lãi suất. Xét về mặt chính tả thì có sai

nhiều chỗ như tiền vay ghi là “vây”, không ghi mệnh giá tiền đồng, chỉ ghi con số 425.800.000. Ông P và bà T không thừa nhận chữ ký tên và chữ viết là của ông P.

Tuy nhiên, xét về nội dung văn thể hiện được việc ông P có vay của bà N số tiền 425.800.000 đồng. Ông P và bà T không thừa nhận chữ ký tên và chữ viết của ông P nhưng theo Kết luận giám định số 36/KLTL-KTHS ngày 04/4/2025 của Phòng K Công an tỉnh S kết luận như sau:

“- Chữ ký mang tên Trần Văn P dưới dòng “Ngày 24-12-2023 Âm Lịch” trên Biên nhận, ngày 24/12/2023 cần giám định (Ký hiệu A) so với chữ ký của Trần Văn P trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M1 đến M8) do cùng một người ký ra.

- Chữ viết họ tên “Trần Văn P” dưới dòng “Ngày 24-12-2023 Âm Lịch” trên Biên nhận, ngày 24/12/2023 cần giám định (Ký hiệu A) so với chữ viết của Trần Văn P trên các mẫu so sánh (Ký hiệu: M1 đến M5; M7; M8) do cùng một người viết ra.”

Hơn nữa, trong giai đoạn thụ lý phúc thẩm, ông P yêu cầu giám định lại chữ ký tên và chữ viết của ông. Tòa án cấp phúc thẩm tạm dừng phiên tòa lần 1 để giám định lại chữ ký và chữ viết của ông. Tuy nhiên, ông không nộp tạm ứng chi phí thẩm định nên không thực hiện việc thẩm định trên.

Xét các chứng cứ và lời trình bày của ông tại phiên tòa phúc thẩm. Ông cho rằng không có tiền để nộp chi phí thẩm định lại.

Qua xem xét nghĩa vụ chứng minh trong vụ kiện dân sự thuộc về các đương sự. Ông P cho rằng không phải chữ ký và chữ viết của ông thì ông phải chứng minh nhưng ông nộp chi phí thẩm định nên Hội đồng xét xử căn cứ vào kết luận giám định trước đây để buộc ông P phải trả nợ là phù hợp.

Xét nghĩa vụ của bà T: Mặc dù biên nhận ngày 24/12/2023 âm lịch không có chữ ký bà T và bà T cho rằng không biết số nợ này. Tuy nhiên, như ông P và bà T trình bày ông bà là vợ chồng, ông P chuyên làm nghề chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bà T chỉ làm nội trợ gia đình, nên việc thu nhập hàng ngày để phục vụ cho gia đình đều phụ thuộc vào thu nhập của ông P. Do vậy, bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông P, bà T cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ số tiền 425.800.000 đồng là phù hợp theo qui định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bản án sơ thẩm nhận định là có căn cứ.

Xét yêu cầu lãi: Cả hai biên nhận đều thể hiện nội dung vay có lãi. nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 24/12/2023 âm lịch (ngày 03/02/2024 dương lịch) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 11/9/2025 theo mức lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Lãi suất được tính như sau:

$505.800.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 19 \text{ tháng} \text{ 08 ngày (từ ngày 03/02/2024 đến ngày 11/9/2025)} = 161.768.328 \text{ đồng}.$

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông P, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Nữ số tiền còn nợ vốn 505.800.000 đồng và lãi 161.768.328 đồng, tổng vốn và lãi là 667.568.328 đồng.

[4] Xét kháng cáo của ông P: Ông P kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới nên không có cơ sở chấp nhận.

[5] Chi phí giám định: 3.090.000 đồng bị đơn ông Trần Văn P phải chịu Do bà N đã nộp xong nên ông P phải trả số tiền này lại cho bà N.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật 20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng. Nguyên đơn bà N được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông P phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003433 ngày 23/9/2025 thành tiền án phí Thi hành án dân sự thành phố C. Ông P đã nộp đủ.

[8] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 91, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn P. Giữ y bản án dân sự sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Ngọc N. Buộc bị đơn ông Trần Văn P, bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Phạm Ngọc N số tiền vốn 505.800.000 đồng và lãi 161.768.328 đồng, tổng vốn và lãi là 667.568.328 đồng (làm tròn là 667.568.000 đồng) (*Sáu trăm sáu mươi bảy triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng (làm tròn)*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chi phí giám định: 3.090.000 đồng bị đơn ông Trần Văn P phải chịu. Sau khi ông P nộp thì hoàn trả cho nguyên đơn bà Phạm Ngọc N số tiền này do bà N đã đóng tạm ứng trước.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Trần Văn P, bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ liên đới nộp án phí số tiền 30.702.733 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Phạm Ngọc N tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.116.000 đồng theo biên lai thu số 0008047 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Cần Thơ).

4. Về tiền án phí dân sự phúc thẩm: Ông P phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003433 ngày 23/9/2025 thành tiền án phí Thi hành án dân sự thành phố C. Ông P đã nộp đủ.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 7- Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 7 – Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Hải